

-----o0o-----

-----o0o-----

Lâm Đồng, ngày 15 tháng 01 năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHẦN ĐỂ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar;
- Căn cứ vào nhu cầu huy động vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng Quản trị Công ty thông qua phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty như sau:

I. Phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu:

- Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty cổ phần Đắk Kar
- Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chào bán:	:	6.000.000 (Sáu triệu) cổ phần
- Mệnh giá cổ phần	:	10.000 đồng/cổ phần
- Giá trị cổ phần chào bán theo mệnh giá	:	60.000.000.000 (Sáu mươi tỷ) đồng
- Tỷ lệ cổ phần chào bán trên số cổ phần đang lưu hành	:	20%
- Vốn điều lệ dự kiến sau đợt chào bán	:	360.000.000.000 (Ba trăm sáu mươi tỷ) đồng
- Mục đích chào bán	:	Bổ sung vốn cho Công ty
- Phương thức chào bán	:	Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu
- Đối tượng chào bán	:	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông do Công ty Chứng khoán OCBS lập tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách cổ đông) để thực hiện quyền mua cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Giá chào bán	:	10.000 đồng/cổ phần.
- Thời gian thực hiện	:	Trong Quý 1/2026.



- Phương thức phân phối cổ phần	:	Cổ phần được phân phối cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền. Cổ phiếu quỹ (nếu có) sẽ không được phân bổ quyền.
- Tỷ lệ thực hiện quyền	:	100 : 20 (Nghĩa là, tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu, cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền mua và cứ 100 quyền mua sẽ được mua 20 cổ phần mới được chào bán. Số cổ phần cổ đông được mua sẽ làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số lẻ được HĐQT quyết định phân phối cho cổ đông hiện hữu và/hoặc đối tượng khác). Ví dụ: tại ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền mua cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu, cổ đông A sở hữu 1.002 cổ phần. Số cổ phần A được mua như sau: $(1.002 \times 20) : 100 = 200,4$ làm tròn xuống đến hàng đơn vị, cổ đông A được mua 200 cổ phần, 0,4 cổ phần HĐQT quyết định phân phối cho cổ đông hiện hữu và/hoặc đối tượng khác.
- Chuyển nhượng quyền mua	:	Quyền mua được chuyển nhượng 01 lần
- Phương án xử lý cổ phần chào bán không phân phối hết	:	Số lượng cổ phần chào bán cho mỗi cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn xuống khi tính toán số cổ phần chào bán cho từng cổ đông và cổ phần do cổ đông không mua hết, HĐQT phân phối cho cổ đông hiện hữu và/hoặc đối tượng khác với giá không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phần) và quyết định thời gian phân phối cổ phần lẻ phát sinh và cổ phần không được mua hết cho cổ đông hiện hữu và/hoặc đối tượng khác để kết thúc đợt chào bán, điều chỉnh số lượng cổ phần chào bán và số vốn thu được từ đợt chào bán theo thực tế.
- Sửa đổi Giấy phép hoạt động và Điều lệ sau đợt chào bán	:	Hội đồng Quản trị Ủy quyền cho Người đại diện theo pháp luật Công ty tiến hành các thủ tục cần thiết để điều chỉnh Giấy phép hoạt động và sửa đổi Điều lệ Công ty với mức vốn điều lệ tăng thêm tương ứng theo số cổ phần thực tế chào bán.

II. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phần

Số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là 60 tỷ đồng (6.000.000 cổ phần x 10.000 đồng/cổ phần).

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu dự kiến sẽ được sử dụng vào các mục đích sau:

TT	Công nợ	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Công ty cổ phần thủy điện Đắk R'thìh	Các hợp đồng thi công dự án Đắk Kar	15.228.895.036	
2	Công ty cổ phần thủy điện Đắk R'thìh (lãi vay)	Lãi vay tiền phát sinh trong thời gian thi công	6.019.975.283	
3	Vay cá nhân	Lãi vay	5.435.728.911	
4	Công ty cổ phần thủy điện Đắk R'thìh	Vay ngắn hạn trả gốc +lãi NH	34.000.000.000	
	Tổng cộng		60.684.599.230	

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Văn Thịnh



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK KAR

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)



Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar
Số 88, đường Lê Duẩn, phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 26
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 26

0100
C
TRÁCH
HÃNG
A
ANH

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 6400012353 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 21 tháng 11 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 23 tháng 12 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 88, đường Lê Duẩn, phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Thịnh	Chủ tịch
Ông Võ Thái	Thành viên
Ông Trần Công Yên	Thành viên

Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Ông Trần Công Yên.

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phan Thị Hồng	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Anh Trang	Thành viên
Bà Hoàng Thị Nga	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Nguyễn Văn Thịnh - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar
Số 83, đường Lê Duẩn, phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

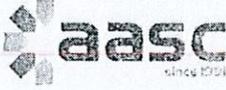
Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Văn Thịnh

Lâm Đồng, ngày 15 tháng 01 năm 2026

11
G
M
E
V
11



Số: 150126.001/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar được lập ngày 15 tháng 01 năm 2026, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

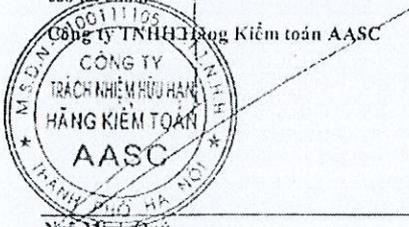
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



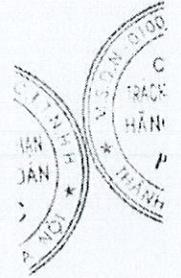
Ngô Minh Quý
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2023-002-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2026

Nguyễn Thị Mỹ Lệ
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 6335-2023-002-1

05/1/2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		10.491.287.553	3.794.917.722
110	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	4.437.838.318	1.141.850.679
111	1. Tiền		2.437.838.318	1.141.850.679
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.639.875.068	2.034.661.116
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	5.598.838.969	82.642.393
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	9.923.397.843	10.455.185.947
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		805.480	-
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(9.883.167.224)	(8.503.167.224)
140	III. Hàng tồn kho		158.368.600	-
141	1. Hàng tồn kho		158.368.600	-
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		255.205.567	618.405.927
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	08	200.843.901	293.869.714
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	258.707.259
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	54.361.666	65.828.954
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		397.494.211.978	415.300.622.634
220	1. Tài sản cố định		393.173.390.354	407.911.514.805
221	1. Tài sản cố định hữu hình	07	393.173.390.354	407.911.514.805
222	- Nguyên giá		489.116.578.678	485.241.374.444
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(95.943.188.324)	(77.329.859.639)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		-	878.262.651
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	878.262.651
260	III. Tài sản dài hạn khác		4.320.821.624	6.510.845.178
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	08	4.320.821.624	6.510.845.178
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>407.985.499.531</u>	<u>419.095.540.356</u>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		194.161.596.503	212.066.321.622
310	I. Nợ ngắn hạn		84.161.596.502	77.566.321.621
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	09	16.169.595.521	15.756.435.618
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	2.002.811.171	13.069.480
314	3. Phải trả người lao động		30.000.000	-
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	143.835.616	-
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	12	11.815.354.194	11.796.816.523
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	54.000.000.000	50.000.000.000
330	II. Nợ dài hạn		110.000.000.001	134.500.000.001
331	1. Phải trả người bán dài hạn	09	3.000.000.001	3.500.000.001
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	107.000.000.000	131.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		213.823.903.028	207.029.218.734
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	213.823.903.028	207.029.218.734
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		300.000.000.000	300.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		300.000.000.000	300.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(86.176.096.972)	(92.970.781.266)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(92.970.781.266)	(60.167.713.271)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		6.794.684.294	(32.803.067.995)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		407.985.499.531	419.095.540.356

Nguyễn Thu Hiền
Người lập



Võ Thái
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thịnh
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Lâm Đồng, ngày 15 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	51.285.371.547	17.318.824.834
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		51.285.371.547	17.318.824.834
11	4. Giá vốn hàng bán	17	29.119.909.263	24.744.804.809
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.165.462.284	(7.425.979.975)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	8.869.073	13.699.314
22	7. Chi phí tài chính	19	11.389.764.685	11.287.369.864
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		11.389.764.685	11.287.369.864
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	3.406.842.004	12.072.259.288
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.377.724.668	(30.771.909.813)
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác	21	583.040.374	2.031.158.182
40	13. Lợi nhuận khác		(583.040.374)	(2.031.158.182)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.794.684.294	(32.803.067.995)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>6.794.684.294</u>	<u>(32.803.067.995)</u>



Nguyễn Thu Hiền
Người lập

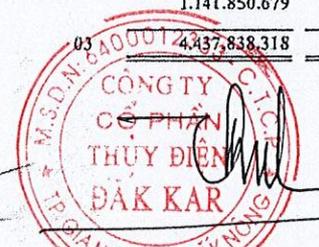
Võ Thái
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thịnh
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Lâm Đồng, ngày 15 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		6.794.684.294	(32.803.067.995)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		18.866.066.556	18.787.785.572
03	- Các khoản dự phòng		1.380.000.000	8.349.852.600
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		383.181.484	(13.699.314)
06	- Chi phí lãi vay		11.389.764.685	11.287.369.864
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	155.311.666
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		38.813.697.019	5.763.552.393
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(4.714.233.925)	9.757.706.048
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		2.098.151.594	(9.157.863.129)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		3.161.312.018	(1.751.046.479)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(11.392.641.398)	(15.886.090.815)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(350.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		27.807.916.708	(11.623.741.982)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.803.629.026)	(1.556.870.370)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		283.636.364	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.063.593	28.356.848
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.511.929.069)	(1.528.513.522)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		10.000.000.000	371.000.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(30.000.000.000)	(374.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(20.000.000.000)	(3.000.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.295.987.639	(16.152.255.504)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.141.850.679	17.294.106.183
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		4.437.838.318	1.141.850.679


Nguyễn Thu Hiền Võ Thái Nguyễn Văn Thịnh
Người lập Kế toán trưởng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Lâm Đồng, ngày 15 tháng 01 năm 2026



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 6400012353 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 21 tháng 11 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 23 tháng 12 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 88, đường Lê Duẩn, phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 300.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 300.000.000.000 VND; tương đương 30.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
 - Sản xuất, kinh doanh điện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
 - Mua, bán thiết bị điện, dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổn áp, máy phát điện, dây điện);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
 - Thiết kế kết cấu công trình điện, thủy điện - Theo dõi, giám sát thi công (công trình điện).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tính đến ngày 31/12/2025, Công ty đang ghi nhận khoản lỗ lũy kế với số tiền là 86,18 tỷ VND; chỉ tiêu Nợ phải trả ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán lớn hơn chỉ tiêu Tài sản ngắn hạn số tiền 73,67 tỷ VND, trong đó số dư các khoản nợ phải thu tồn đọng đã lâu là 9,88 tỷ VND.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban quản trị Công ty đã và đang xây dựng các phương án nhằm đảm bảo nguồn thu từ kế hoạch sản xuất kinh doanh, nguồn hỗ trợ từ phía Cổ đông lớn. Trong năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty đang dần chuyển biến tốt do sản lượng điện sản xuất từ lại ổn định, lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm 2025 đạt 6.794.684.294 VND.

Do đó, Chủ tịch hội đồng quản trị tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được lập trên cơ sở giá định về khả năng hoạt động liên tục là phù hợp.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng tổn thất tài sản;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Chủ tịch Hội đồng quản trị đánh giá là hợp lý.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	10 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm

2.8 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.11 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tính hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

2.14 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.16 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Chính sách ưu đãi thuế

Công ty đang được hưởng chính sách ưu đãi thuế như sau:

<u>Văn bản</u>	<u>Tóm tắt các ưu đãi thuế</u>	<u>Thời hạn hiệu lực</u>
Điểm b, Khoản 1, Điều 13 Luật thuế TNDN	Áp dụng thuế suất 10% trong thời gian mười lăm năm từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh truyền tải điện.	Đến hết năm 2034
Khoản 1, Điều 14 Luật thuế TNDN và Phụ lục III, Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021	Miễn thuế bốn năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế.	Miễn thuế đến hết năm 2023; Giảm 50% số thuế phải nộp đến năm 2032.

Theo Khoản 5 Điều 4 Thông tư 83/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 06 năm 2016, trường hợp dự án đầu tư mới đồng thời đáp ứng nhiều điều kiện ưu đãi về thuế TNDN thì được chọn hưởng mức ưu đãi thuế TNDN có lợi nhất.

- e) Thuế suất thuế TNDN hiện hành
Đối với các khoản thu nhập phát sinh tại địa bàn được ưu đãi, Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% và giảm 50% số thuế phải nộp.

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các khoản thu nhập không được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Công ty hiện đang bù trừ lãi từ hoạt động không được hưởng ưu đãi thuế TNDN và lỗ từ hoạt động được ưu đãi thuế TNDN theo khoản 09, điều 18, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014.

2.18 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện năng và bán cho Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	5.898.814	11.884.955
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.431.939.504	1.129.965.724
Các khoản tương đương tiền ^(*)	2.000.000.000	-
	<u>4.437.838.318</u>	<u>1.141.850.679</u>

^(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 2.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An với lãi suất 2,1%/năm.

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	5.598.838.969	-	82.642.393	-
	<u>5.598.838.969</u>	<u>-</u>	<u>82.642.393</u>	<u>-</u>

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng ASIA	9.600.000.000	(9.600.000.000)	9.600.000.000	(8.220.000.000)
Trả trước cho người bán khác	323.397.843	(283.167.224)	855.185.947	(283.167.224)
	<u>9.923.397.843</u>	<u>(9.883.167.224)</u>	<u>10.455.185.947</u>	<u>(8.503.167.224)</u>

6 . NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng ASIA	9.600.000.000	-	9.600.000.000	1.380.000.000
- Công ty TNHH Đức Kim Long	129.852.600	-	129.852.600	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện Thái Bình Dương	100.000.000	-	100.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Phú Hữu Lợi	53.314.624	-	53.314.624	-
	<u>9.883.167.224</u>	<u>-</u>	<u>9.883.167.224</u>	<u>1.380.000.000</u>

7 - TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	385.113.965.127	78.884.206.715	21.127.708.602	115.494.000	485.241.374.444
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.803.629.026	-	-	-	4.803.629.026
- Thanh lý, nhượng bán	-	(928.424.792)	-	-	(928.424.792)
Số dư cuối năm	<u>389.917.594.153</u>	<u>77.955.781.923</u>	<u>21.127.708.602</u>	<u>115.494.000</u>	<u>489.116.578.678</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	54.909.033.200	16.503.895.989	5.868.807.950	48.122.500	77.329.859.639
- Khấu hao trong năm	13.437.744.000	3.996.709.848	1.408.513.908	23.098.800	18.866.066.556
- Thanh lý, nhượng bán	-	(252.737.871)	-	-	(252.737.871)
Số dư cuối năm	<u>68.346.777.200</u>	<u>20.247.867.966</u>	<u>7.277.321.858</u>	<u>71.221.300</u>	<u>95.943.188.324</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	330.204.931.927	62.380.310.726	15.258.900.652	67.371.500	407.911.514.805
Tại ngày cuối năm	<u>321.570.816.953</u>	<u>57.707.913.957</u>	<u>13.850.386.744</u>	<u>44.272.700</u>	<u>393.173.390.354</u>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 393.173.390.354 VND.

H H A G H T

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ	61.307.521	196.346.076
Chi phí mua bảo hiểm	139.536.380	97.523.638
	<u>200.843.901</u>	<u>293.869.714</u>
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ	69.540.382	141.967.659
Chi phí khắc phục sự cố, sửa chữa tài sản	2.123.466.642	2.874.510.974
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.127.814.600	3.494.366.545
	<u>4.320.821.624</u>	<u>6.510.845.178</u>

9 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Bên liên quan				
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'nh	15.228.895.036	15.228.895.036	15.228.895.036	15.228.895.036
a.2) Bên khác				
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng 23	940.700.485	940.505.437	527.540.582	527.540.582
Phải trả các đối tượng khác	-	-	156.372.992	156.372.992
	940.700.485	940.505.437	371.167.590	371.167.590
	<u>16.169.595.521</u>	<u>16.169.400.473</u>	<u>15.756.435.618</u>	<u>15.756.435.618</u>
b) Dài hạn				
Bên khác				
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp Số 9	3.000.000.001	3.000.000.001	3.500.000.001	3.500.000.001
	3.000.000.001	3.000.000.001	3.500.000.001	3.500.000.001
	<u>3.000.000.001</u>	<u>3.000.000.001</u>	<u>3.500.000.001</u>	<u>3.500.000.001</u>

10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	11.467.288	-	2.936.748.662	1.867.097.159	-	1.058.184.215
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	54.361.666	-	-	-	54.361.666	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	8.855.556	60.441.640	39.069.418	-	30.227.778
Thuế Tài nguyên	-	3.139.216	4.584.029.169	4.262.192.959	-	324.975.426
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	137.726.881	137.726.881	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.074.708	1.515.359.828	927.010.784	-	589.423.732
	65.828.954	13.069.480	9.237.306.180	7.236.097.201	54.361.666	2.002.811.171

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

- Chi phí lãi vay

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
	143.835.616	-
	143.835.616	-

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar
Số 88, đường Lê Duẩn, phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

13 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn						
a.1) Vay ngắn hạn Bên liên quan						
- Ông Võ Thái ⁽³⁾	26.000.000.000	26.000.000.000	10.000.000.000	-	36.000.000.000	36.000.000.000
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'nh ⁽³⁾	26.000.000.000	26.000.000.000	10.000.000.000	-	36.000.000.000	36.000.000.000
- Ông Võ Thái ⁽³⁾	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'nh ⁽³⁾	24.000.000.000	24.000.000.000	10.000.000.000	-	34.000.000.000	34.000.000.000
a.2) Vay dài hạn đến hạn trả	24.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000	30.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ⁽³⁾	24.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000	30.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
	<u>50.000.000.000</u>	<u>50.000.000.000</u>	<u>34.000.000.000</u>	<u>30.000.000.000</u>	<u>54.000.000.000</u>	<u>54.000.000.000</u>
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ⁽³⁾	155.000.000.000	155.000.000.000	-	30.000.000.000	125.000.000.000	125.000.000.000
	<u>155.000.000.000</u>	<u>155.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>30.000.000.000</u>	<u>125.000.000.000</u>	<u>125.000.000.000</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(24.000.000.000)	(24.000.000.000)	(24.000.000.000)	(30.000.000.000)	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>131.000.000.000</u>	<u>131.000.000.000</u>			<u>107.000.000.000</u>	<u>107.000.000.000</u>



Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar
Số 88, đường Lê Duẩn, phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

13 . CÁC KHOẢN VAY

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng vay	Loại tiền	Lãi suất	Thời hạn vay	Mục đích	Hình thức đảm bảo	31/12/2025 VNĐ
<i>Bên liên quan</i>						
(1) Ông Võ Thái						
- Hợp đồng vay tiền số 03/2021/HĐCV ngày 31/12/2021 và các phụ lục	VND	Không lãi suất	Đến ngày 30/06/2026	Sử dụng cho các nhu cầu thanh toán các chi phí liên quan đến việc đầu tư dự án thủy điện Đắk Kar	Tin chấp	2.000.000.000
(2) Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'nh						
- Hợp đồng vay tiền số 02/2024/HĐVT ngày 23/09/2024 và Phụ lục số 02/2024/HĐVT-PL225 ngày 22/05/2025	VND	7,1%/năm	Đến ngày 30/06/2026	Thực hiện mục đích đầu tư, kinh doanh	Tin chấp	10.000.000.000
- Hợp đồng vay tiền số 04/2024/HĐVT/DaHC-DAKKAR ngày 10/12/2024 và Phụ lục số 04/2024/HĐVT-PL225 ngày 22/05/2025	VND	7,1%/năm	Đến ngày 30/06/2026	Thực hiện mục đích đầu tư, kinh doanh	Tin chấp	14.000.000.000
- Hợp đồng vay tiền số 07/2025/HĐVT/DaHC-DAKKAR ngày 26/03/2025 và Phụ lục số 07/2024/HĐVT-PL225 ngày 22/05/2025	VND	7,1%/năm	Đến ngày 30/06/2026	Thực hiện mục đích đầu tư, kinh doanh	Tin chấp	10.000.000.000
						<u>36.000.000.000</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Hợp đồng vay	Loại tiền	Lãi suất	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2025 VNĐ
(3) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An						
Hợp đồng vay dự án đầu tư số 156/2024-HĐVDADT/NHCT3 20-DAIHC ngày 28/06/2024	VND	Lãi suất cố định chính. Lãi suất áp dụng tại ngày 31/12/2025 là 7,0%/năm	Đến ngày 28/06/2031	Bù đắp chi phí đã thực hiện của dự án Nhà máy thủy điện Đắk Kar	Thế chấp (toàn bộ tài sản của Dự án Nhà máy Thủy điện Đắk Kar được xây dựng và/ hoặc gắn liền với các thửa đất tại xã Đông Nai và xã Phú Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/2024/HĐBĐ/NHCT320-DAKKAR.	125.000.000.000
						<u>125.000.000.000</u>

Các hợp đồng thế chấp đã được đính ký giao dịch đảm bảo.



14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	(60.323.024.937)	239.676.975.063
Lỗ trong năm trước	-	(32.803.067.995)	(32.803.067.995)
Giảm khác	-	155.311.666	155.311.666
Số dư cuối năm trước	<u>300.000.000.000</u>	<u>(92.970.781.266)</u>	<u>207.029.218.734</u>
Số dư đầu năm nay	300.000.000.000	(92.970.781.266)	207.029.218.734
Lãi trong năm nay	-	6.794.684.294	6.794.684.294
Số dư cuối năm nay	<u>300.000.000.000</u>	<u>(86.176.096.972)</u>	<u>213.823.903.028</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'lìh	70,56	211.684.000.000	70,56	211.684.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư PAN ASIA	21,33	64.000.000.000	21,33	64.000.000.000
- Các Cổ đông khác	8,11	24.316.000.000	8,11	24.316.000.000
	<u>100</u>	<u>300.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>300.000.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<u>300.000.000.000</u>	<u>300.000.000.000</u>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<u>300.000.000.000</u>	<u>300.000.000.000</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.000.000	30.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần

15 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty được Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông bán giao đất tại các thửa đất số 03, 07, Mảnh trích đo địa số 01 xã Hưng Bình; thửa đất số 01, 02, 04, Mảnh trích đo địa chính số 01 xã Đắk Ru và thửa đất số 01, Mảnh trích đo địa chính số 02 xã Đắk Ru theo quyết định số 2037/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 với tổng diện tích là 694.338,8 m² để sử dụng với mục đích xây dựng lồng hồ - Công trình thủy điện Đắk Kar. Và một phần thửa đất số 05, Mảnh trích đo địa chính số 01 xã Hưng Bình với diện tích là 12.144,3 m² cũng được bán giao cho công ty để sử dụng với mục đích xây dựng đập chính và công trình phụ trợ thuộc Công trình thủy điện Đắk Kar. Thời hạn thuê đất từ ngày 26/3/2010 đến ngày 14/4/2060.

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán điện	51.285.371.547	17.318.824.834
	<u>51.285.371.547</u>	<u>17.318.824.834</u>

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn điện đã bán	29.119.909.263	24.744.804.809
	<u>29.119.909.263</u>	<u>24.744.804.809</u>

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	8.869.073	13.699.314
	<u>8.869.073</u>	<u>13.699.314</u>

19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	11.389.764.685	11.287.369.864
	<u>11.389.764.685</u>	<u>11.287.369.864</u>
Trong đó: Chi phí tài chính mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 27.)	<u>2.142.273.972</u>	<u>1.702.936.986</u>

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.336.580	17.468.542
Chi phí nhân công	791.984.000	739.877.000
Chi phí dự phòng	1.380.000.000	8.349.852.600
Thuế, phí, và lệ phí	3.000.000	137.229.323
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.123.328	1.255.414.206
Chi phí khác bằng tiền	1.171.398.096	1.572.417.617
	<u>3.406.842.004</u>	<u>12.072.259.288</u>

21 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	392.050.557	-
Các khoản bị phạt	13.164.742	66.151.182
Chi phí khác	177.825.075	1.965.007.000
	<u>583.040.374</u>	<u>2.031.158.182</u>

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	6.794.684.294	(32.803.067.995)
Các khoản điều chỉnh tăng	391.522.718	21.867.817.439
- Chi phí không hợp lệ	298.033.157	10.381.010.782
- Lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	93.489.561	11.486.806.657
Các khoản điều chỉnh giảm	(7.186.207.012)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	(7.186.207.012)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	(10.935.250.556)
- Thu nhập được hưởng ưu đãi	-	(10.935.250.556)
- Thu nhập không hưởng ưu đãi	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	-	5.638.334
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(54.361.666)	290.000.000
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	(350.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>(54.361.666)</u>	<u>(54.361.666)</u>

23 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	407.548.128	928.312.294
Chi phí nhân công	791.984.000	739.877.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.866.066.556	18.787.785.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.978.675.474	3.019.408.202
Chi phí khác bằng tiền	9.102.477.109	4.836.516.763
Chi phí dự phòng	1.380.000.000	8.349.852.600
	32.526.751.267	36.661.752.431

24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể gặp phải các rủi ro thị trường như biến động lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất đo giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền	4.431.939.504	-	-	4.431.939.504
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.599.644.449	-	-	5.599.644.449
	10.031.583.953	-	-	10.031.583.953
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.129.965.724	-	-	1.129.965.724
Phải thu khách hàng, phải thu khác	82.642.393	-	-	82.642.393
	1.212.608.117	-	-	1.212.608.117

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2025				
Các khoản vay	54.000.000.000	107.000.000.000	-	161.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	27.984.949.715	3.000.000.001	-	30.984.949.716
Chi phí phải trả	143.835.616	-	-	143.835.616
	<u>82.128.785.331</u>	<u>110.000.000.001</u>	<u>-</u>	<u>192.128.785.332</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Các khoản vay	50.000.000.000	131.000.000.000	-	181.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	27.553.252.141	3.500.000.001	-	31.053.252.142
	<u>77.553.252.141</u>	<u>134.500.000.001</u>	<u>-</u>	<u>212.053.252.142</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

25 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TIỀN TỆ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	10.000.000.000	371.000.000.000
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	30.000.000.000	374.000.000.000

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

27 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'nh	Công ty mẹ
Ông Đặng Chính Trung	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty mẹ
Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.142.273.972	1.702.936.986
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'tih	2.142.273.972	1.702.936.986

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt	479.000.000	485.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Thu Hiền
Người lập

Võ Thái
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thjah
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Lâm Đồng, ngày 15 tháng 01 năm 2026